

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 880/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 9 tháng 6 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển ngành công nghiệp Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Quyết định số 879/QĐ-TTg ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035;

Xét đề nghị của Bộ Công Thương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển ngành công nghiệp Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 với những nội dung chính như sau:

1. Quan điểm

- Phát triển công nghiệp tập trung vào một số ngành công nghiệp đáp ứng nhu cầu trong nước và tăng nhanh xuất khẩu.
- Tập trung phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo, nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường thế giới; phát triển mạnh công nghiệp hỗ trợ để tham gia vào chuỗi sản xuất toàn cầu.
- Khuyến khích phát triển dân doanh, đầu tư nước ngoài; thúc đẩy phát triển bền vững khu vực kinh tế ngoài nhà nước. Chú trọng phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

d) Phát triển nguồn nhân lực công nghiệp là điều kiện quyết định thành công quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

đ) Phát triển công nghiệp theo các chuẩn mực về môi trường, tiến tới công nghệ xanh giai đoạn sau năm 2020.

2. Mục tiêu

a) Tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm công nghiệp giai đoạn đến năm 2020 đạt 6,5 - 7,0%/năm và giai đoạn 2021 - 2030 đạt 7,5 - 8,0%/năm.

b) Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp giai đoạn đến năm 2020 đạt 12,5 - 13,0%/năm và giai đoạn 2021 - 2030 đạt 11,0 - 12%/năm.

c) Phần đầu đến năm 2020 tỷ trọng công nghiệp và xây dựng trong GDP chiếm 42 - 43% và năm 2030 chiếm 43 - 45%.

d) Đến năm 2020 tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm 85 - 90% giá trị sản xuất công nghiệp; giá trị sản phẩm công nghiệp công nghệ cao và sản phẩm ứng dụng công nghệ cao đạt khoảng 45% tổng GDP; năm 2030 các tỷ lệ tương ứng là 90 - 92% và trên 50%.

đ) Hệ số đàn hồi năng lượng/GDP năm 2015 đạt 1,5; năm 2020 đạt 1,0 và sau năm 2020 đạt < 1,0.

e) Tỷ lệ phát thải khí nhà kính ngành công nghiệp gia tăng bình quân trong khoảng từ 4 - 4,5%/năm.

3. Định hướng

a) Đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao.

b) Phát triển các ngành công nghiệp nền tảng để sẵn sàng đáp ứng nhu cầu về tư liệu sản xuất cơ bản của nền kinh tế trong giai đoạn phát triển tiếp theo.

c) Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế cạnh tranh, hướng đến sản xuất một số sản phẩm có thương hiệu tham gia vào chuỗi xuất khẩu trọng điểm của cả nước.

d) Tập trung phát triển công nghiệp hỗ trợ, hình thành sự phân công sản xuất, liên kết, hợp tác tham gia chế tạo trong từng công đoạn sản phẩm.

đ) Thực hiện phân bố không gian công nghiệp phù hợp nhằm phát huy lợi thế so sánh của các vùng, miền và tạo điều kiện liên kết có hiệu quả.

4. Nội dung

a) Ngành cơ khí - luyện kim

- Đầu tư phát triển một số chuyên ngành và sản phẩm cơ khí trọng điểm để đáp ứng về cơ bản nhu cầu của nền kinh tế như: Máy động lực, cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến, máy công cụ, cơ khí xây dựng, cơ khí đóng tàu, thiết bị điện - điện tử, cơ khí ô tô - cơ khí giao thông vận tải. Hình thành một số Tập đoàn cơ khí chế tạo chủ đạo đi đầu để đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa trong điều kiện nền kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế và khu vực.

- Phát triển ngành luyện kim theo hướng sử dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, thiết bị đồng bộ có tính liên hợp cao và suất tiêu hao nguyên vật liệu, năng lượng thấp; từng bước đáp ứng nhu cầu về các chủng loại thép chế tạo, thép hợp kim, một số kim loại màu; tập trung giải quyết những khâu cơ bản như đúc, rèn phôi, nhiệt luyện, kiểm tra chất lượng sản phẩm.

- Kết hợp với công nghiệp quốc phòng, xây dựng các chương trình dự án sản phẩm có tính lưỡng dụng cao để phát huy hiệu quả các nguồn lực và nâng cao khả năng sẵn sàng đáp ứng nhu cầu an ninh quốc gia khi cần thiết.

- Tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp ngành cơ khí - luyện kim giai đoạn đến năm 2020 đạt 15 - 16%; giai đoạn đến năm 2030 đạt 14 - 15%.

- Năm 2020 tỷ trọng ngành cơ khí - luyện kim chiếm 20 - 21% và năm 2030 chiếm 22 - 24% trong cơ cấu ngành công nghiệp.

- Năm 2020 ngành cơ khí - luyện kim đáp ứng 45 - 50% nhu cầu thị trường trong nước và năm 2030 đáp ứng đến 60%.

- Đến năm 2020

Tập trung phát triển các nhóm sản phẩm sau:

+ Nhóm máy móc, thiết bị kỹ thuật điện: Sản xuất, lắp ráp máy phát điện đến 600MW; máy phát điện gió, pin mặt trời; nghiên cứu chế tạo máy biến áp 500kV; chế tạo động cơ điện mini.

+ Nhóm máy công cụ và dụng cụ: Sản xuất khuôn mẫu; chế tạo thiết bị tiêu chuẩn; Phát triển hệ thống điều khiển tự động công nghệ cao, cơ khí chính xác.

+ Nhóm máy móc, thiết bị nâng hạ: Sản xuất xe nâng hàng, thiết bị áp lực lớn dành cho tàu thủy.

+ Nhóm máy móc chuyên dùng: Sản xuất thiết bị chế biến nông - lâm sản, thực phẩm, thiết bị bao gói, tạo nhãn sản phẩm; thiết bị dầu khí; thiết bị y tế.

+ Nhóm chế tạo xe có động cơ: Chế tạo động cơ xăng, hộp số xe ô tô con; lắp ráp các loại xe du lịch, xe khách, xe tải nhẹ và xe nông vụ phục vụ nông thôn; sản xuất động cơ diesel.

+ Nhóm thiết bị thủy: Chế tạo động cơ thủy; đóng mới các tàu có tải trọng lớn.

+ Nhóm máy móc, thiết bị phục vụ nông nghiệp: Sản xuất các loại động cơ diesel cỡ trung, cỡ nhỏ động cơ xăng công suất nhỏ, máy canh tác, thiết bị bảo quản, chế biến thực phẩm, đồ uống.

+ Nhóm thiết bị siêu trường, siêu trọng và giàn khoan dầu khí.

+ Nhóm công nghiệp thép: Tiếp tục triển khai thực hiện các dự án quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Đẩy mạnh sản xuất thép tấm, thép hình khổ lớn và thép ống không hàn với công nghệ tiên tiến; thép đặc biệt phục vụ ngành chế tạo máy và công nghiệp quốc phòng.

- Đến năm 2030

Tiếp tục nghiên cứu đầu tư một số dự án với công nghệ cao, hiện đại để sản xuất các thiết bị đáp ứng yêu cầu sản xuất xanh, sạch, tiêu tốn ít vật tư, năng lượng, có giá trị gia tăng cao, sử dụng vật liệu nhẹ; sản xuất thiết bị gia dụng chất lượng cao bằng vật liệu mới; sản xuất và lắp ráp thiết bị, phương tiện bay, thiết bị định vị kiểm soát không lưu, hải lưu; chế tạo các thiết bị đo kiểm, thiết bị y tế.

b) Ngành hóa chất

- Phát triển công nghiệp hóa chất theo hướng sử dụng công nghệ cao, hiện đại, tạo ra sản phẩm có chất lượng tốt, giá thành cạnh tranh, giảm thiểu và hạn chế thải các hóa chất độc hại ra môi trường.

- Phát triển công nghiệp hóa dầu, hóa chất cơ bản, hóa chất phục vụ nông nghiệp, nông thôn.

- Tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp ngành hóa chất giai đoạn đến năm 2020 đạt 14 - 16 %; giai đoạn đến năm 2030 đạt 11 - 13%.

- Năm 2020 tỷ trọng ngành hóa chất chiếm 13 - 14% và năm 2030 chiếm 14 - 15% trong cơ cấu ngành công nghiệp.

- Năm 2020 ngành hóa chất đáp ứng 75 - 80% nhu cầu thị trường trong nước và năm 2030 đáp ứng 85 - 90%.

- Đến năm 2020

- + Tiếp tục triển khai đầu tư các dự án sản xuất phân bón như DAP, đạm ure; sản xuất lốp ô tô radial; sản xuất các sản phẩm hóa chất cơ bản như H_2SO_4 và H_3PO_4 ; sản xuất thuốc kháng sinh loại Cephalosporin, sản xuất Sorbitol; tá dược, vitamin các loại.

- + Phát triển ngành hóa dầu làm nguyên liệu cho ngành nhựa (đáp ứng 40-50% nhu cầu nội địa cho các ngành công nghiệp).

- + Tiếp tục triển khai các dự án mở rộng giai đoạn 2 và một số dự án mới theo Quy hoạch của ngành Hóa chất đã được phê duyệt.

- Đến năm 2030

Căn cứ vào nhu cầu thị trường và khả năng đầu tư tại thời điểm năm 2020, xem xét mở rộng một số dự án trên cơ sở áp dụng công nghệ mới, đảm bảo yêu cầu cao hơn về hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường. Các dự án định hướng là: Sản xuất mỹ phẩm cao cấp; sản xuất ắc quy cho ô tô lai điện và ô tô điện. Tiếp tục phát triển ngành hóa dược (sản xuất vắc xin).

c) Ngành điện tử, công nghệ thông tin

- Xây dựng ngành điện tử, công nghệ thông tin trở thành ngành công nghiệp chủ lực để tạo cơ sở hỗ trợ cho các ngành khác phát triển.